|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2017/NQ-HĐND |  *Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2017* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác**

**xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; nội dung chi và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 5**

 *Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

 *Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;*

 *Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;*

 *Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

 *Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

 *Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

 *Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;*

 *Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2017 của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

 **Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

 1. Nghị quyết này quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; nội dung chi và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

 2. Đối tượng áp dụng trong công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật:

 a) Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã;

c) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

d) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

3. Đối với nội dung chi, mức chi về công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính tại Nghị quyết này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

 **Điều 2. Định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Định mức phân bổ kinh phí đối với từng loại văn bản

 a) Đối với văn bản ban hành mới hoặc thay thế.

*Đơn vị tính: đồng/văn bản*

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ TỐI ĐA** |
| **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp xã** |
| Nghị quyết, Quyết định | 8.000.000 | 6.000.000 | 4.500.000 |

 b) Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung mức phân bổ kinh phí không quá 80% mức phân bổ kinh phí của văn bản ban hành mới hoặc thay thế.

 2. Mức chi kinh phí cho các nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật *(Có phụ lục chi tiết kèm theo).*

 3. Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên đã được giao để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

 4. Các nội dung khác liên quan thực hiện theo quy định tại Thông tư số [338/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=338/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

 **Điều 3. Nội dung chi và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính**

1. Nội dung chi và mức chi cho các nội dung sau đây thực hiện theo chế độ hiện hành:

a) Chi công tác phí cho những người thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

b) Chi điều tra, khảo sát, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

c) Chi hoạt động thống kê về xử lý vi phạm hành chính theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

d) Chi cho công tác hệ thống hóa, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trong theo dõi thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

đ) Chi cho công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

e) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm trao đổi nghiệp vụ công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

g) Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ cho những người làm công tác theo dõi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

h) Chi tổ chức nghiên cứu khoa học về theo dõi thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

i) Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

k) Chi sơ kết, tổng kết tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

l) Chi xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính.

2. Các khoản chi khác thực hiện theo quy định sau đây:

a) Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: soạn thảo, góp ý, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này;

b) Chi cho công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật, tổ chức các cuộc thi về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh;

c) Chi mua, thuê trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 19/2017/TT-BTC;

d) Chi công bố kết quả xử lý hồ sơ xử lý vi phạm hành chính trái pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 19/2017/TT-BTC;

đ) Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 19/2017/TT-BTC;

e) Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính (nếu có), theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, hợp lệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

 **Điều 4. Mức chi Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, ban hành quyết định bãi bỏ các quy định trước đây không còn phù hợp với các quy định tại Nghị quyết này.

2. Khi các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Riêng đối với báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND; chỉnh sửa nội dung, rà soát và hoàn thiện Nghị quyết (bao gồm cả Phụ lục kèm theo) sau khi UBND trình HĐND thì thực hiện theo Nghị quyết quy định về một số chế độ, chính sách và các điều kiện phục vụ hoạt động của HĐND các cấp.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

 1. Lập, phân bổ và giao dự toán

a) Lập dự toán: Hàng năm, vào thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, căn cứ các nội dung chi, mức chi được quy định tại Nghị quyết này và các văn bản pháp luật liên quan, trên cơ sở kế hoạch công tác của mình, cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trình UBND các cấp phê duyệt.

b) Phân bổ và giao dự toán: Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan tài chính phân bổ và giao dự toán kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Sử dụng và quyết toán kinh phí

Việc sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này

Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khoá XVII Kỳ họp thứ 5 thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;- UBND tỉnh;- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;- UBMTTQVN tỉnh;- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;- Thường trực HĐND và UBND cấp huyện;- Trung tâm CB, Website, Báo, Đài PT-TH Hà Tĩnh;- Lưu: VT | **CHỦ TỊCH** |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
|  |  |

**PHỤ LỤC**

**Mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh**

 *(Kèm theo Nghị quyết số: /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

| **STT** | **Nội dung chi** | **Mức chi** |
| --- | --- | --- |
| **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp xã** |
| **1.** | **Soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo văn bản** |
| a) | Dự thảo Nghị quyết, Quyết định mới hoặc thay thế | 600.000 đồng/đề cương | 480.000 đồng/đề cương | 380.000 đồng/đề cương |
| b) | Dự thảo Nghị quyết, Quyết định của Ủy ban nhân dân sửa đổi, bổ sung | 480.000 đồng/đề cương  | 380.000 đồng/đề cương | 300.000 đồng/đề cương  |
| **2.** | **Soạn thảo văn bản** |
| a) | Dự thảo Nghị quyết, Quyết định mới hoặc thay thế | 1.600.000 đồng/văn bản dự thảo | 1.200.000 đồng/văn bản dự thảo | 1.000.000 đồng/văn bản dự thảo |
| b) | Dự thảo Nghị quyết, Quyết định của UBND sửa đổi, bổ sung | 1.200.000 đồng/văn bản dự thảo  | 1.000.000 đồng/văn bản dự thảo  | 800.000 đồng/văn bản dự thảo |
| **3.** | **Soạn thảo các loại báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản** |
| a) | Báo cáo tổng hợp các ý kiến góp ý về dự thảo văn bản |
|   | Dự thảo Nghị quyết, Quyết định mới hoặc thay thế | 200.000 đồng/báo cáo  | 150.000 đồng/báo cáo  | 100.000 đồng/báo cáo  |
|   | Dự thảo Nghị quyết, Quyết định sửa đổi, bổ sung | 150.000đồng/báo cáo | 120.000đồng/báo cáo | 80.000đồng/báo cáo |
| b) | Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; ý kiến thẩm định, thẩm tra |
|   | Dự thảo Nghị quyết, Quyết định mới hoặc thay thế | 200.000 đồng/báo cáo | 150.000 đồng/báo cáo | 120.000 đồng/báo cáo |
|   | Dự thảo Nghị quyết, Quyết định sửa đổi, bổ sung | 150.000 đồng/báo cáo | 120.000 đồng/báo cáo | 90.000 đồng/báo cáo |
| c) | Báo cáo nhận xét, đánh giá, phản biện của chuyên gia độc lập; báo cáo của thành viên tham gia thẩm định; báo cáo tham luận độc lập theo đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo: |
|   | Dự thảo Nghị quyết, Quyết định mới hoặc thay thế | 280.000 đồng/báo cáo | 220.000 đồng/báo cáo | 170.000 đồng/báo cáo |
|   | Dự thảo Nghị quyết, Quyết định sửa đổi, bổ sung | 160.000 đồng/báo cáo  | 120.000 đồng/báo cáo | 90.000 đồng/báo cáo |
| **4.** | **Báo cáo đánh giá tác động của chính sách hoặc báo cáo đánh giá tác động của văn bản (nếu có)** | 1.500.000 đồng/báo cáo  | Không có nội dung này |
| **5.** | **Soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định văn bản** |
|  a) | Văn bản góp ý | 200.000 đồng/văn bản | 160.000 đồng/văn bản | 120.000 đồng/văn bản |
|  b) | Báo cáo thẩm định  | 500.000 đồng/báo cáo | 400.000 đồng/báo cáo | 300.000 đồng/báo cáo |
| **6.** | **Chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, tờ trình, dự thảo văn bản** | 200.000 đồng/lần chỉnh lý | 160.000 đồng/lần chỉnh lý | 120.000 đồng/lần chỉnh lý |
| **7.** | **Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật** |
| a) | Chủ trì | 150.000 đồng/người/buổi họp | 120.000 đồng/người/buổi họp | 90.000 đồng/người/buổi họp |
| b) | Các thành viên tham dự | 100.000 đồng/người/buổi họp | 80.000 đồng/người/buổi họp | 60.000 đồng/người/buổi họp |
| c) | Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự | 200.000 đồng/văn bản | 160.000 đồng/văn bản | 120.000 đồng/văn bản |
| **8.** | **Thuê dịch tài liệu tiếng Việt sang tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số; tiếng nước ngoài sang tiếng Việt** | 100.000 đồng/trang (350từ) |
| **9.** | **Chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập:** Trong trường hợp đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; thuyết minh, tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập thì mức chi là 800.000 đồng/báo cáo. |
|  |